

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt đề cương và dự toán kinh phí lập
Quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020.**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 15/2012/NĐ-CP ngày 09/3/2012 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

Căn cứ Nghị định 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 và Nghị định 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế- xã hội;

Căn cứ Thông tư số 01/2012/TT-BKH ngày 09/02/2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn xác định mức chi phí cho lập, thẩm định và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội, quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 04/2007/TTLT-BTNMT-BTC ngày 27/02/2007 của Liên Bộ Tài nguyên và Môi trường - Bộ Tài chính về hướng dẫn phương pháp lập dự toán kinh phí đo đạc và bản đồ và quản lý đất đai và Thông tư số 20/2012/TT-BTNMT ngày 19/12/2012 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật đo đạc và bản đồ;

Xét Công văn số 893/STNMT ngày 16/7/2013 của Sở Tài nguyên và Môi trường và đề nghị tại Tờ trình số 190/TTr-KHĐT-TH ngày 05/9/2013 của Sở Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đề cương và dự toán kinh phí lập Quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020, do Sở Tài nguyên và Môi trường làm chủ đầu tư với những nội dung chính như sau:

1. Tên dự án: Quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020(sau đây gọi tắt là Quy hoạch).

2. Chủ đầu tư: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng

3. Phạm vi quy hoạch

Quy hoạch đối với các loại khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 81 Luật Khoáng sản và khoản 1 Điều 9 Nghị định số 15/2012/NĐ-CP như sau:

a) Khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường, than bùn.

b) Khoáng sản ở khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường khoanh định và công bố.

c) Khoáng sản ở bãi thải của mỏ đã đóng cửa.

4. Mục tiêu quy hoạch

a) Rà soát, đánh giá tiềm năng tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, xác định mức độ nghiên cứu về trữ lượng, chất lượng và khả năng khai thác chế biến từng loại khoáng sản.

b) Định hướng khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản đến năm 2020 hợp lý, tiết kiệm, đảm bảo hiệu quả kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường.

5. Các nguyên tắc lập quy hoạch khoáng sản

Quy hoạch phải bảo đảm các nguyên tắc sau đây:

a) Phù hợp với chiến lược khoáng sản, các quy hoạch khoáng sản của cả nước đã được Thủ tướng Chính phủ và các Bộ Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Công Thương ban hành.

b) Phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội cấp tỉnh; bảo đảm an ninh, quốc phòng trên địa bàn.

c) Bảo đảm khai thác, sử dụng khoáng sản hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả phục vụ nhu cầu về khoáng sản trong kỳ quy hoạch; kết quả thực hiện quy hoạch kỳ trước đồng thời có tính đến sự phát triển của khoa học, công nghệ và nhu cầu khoáng sản trong tương lai.

d) Bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên, di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh và các tài nguyên thiên nhiên khác.

6. Nội dung chủ yếu

Nội dung Quy hoạch tuân thủ các quy định tại khoản 4 Điều 9 Nghị định số 15/2012/NĐ-CP, bao gồm:

a) Điều tra, nghiên cứu, tổng hợp, đánh giá điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và thực trạng hoạt động thăm dò, khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

b) Đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch kỳ trước.

c) Xác định phương hướng, mục tiêu thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản trong kỳ quy hoạch.

d) Khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm và hạn chế hoạt động khoáng sản.

đ) Khoanh định chi tiết khu vực mỏ, loại khoáng sản cần đầu tư thăm dò, khai thác và tiến độ thăm dò, khai thác. Khu vực thăm dò, khai thác khoáng sản được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối các điểm khép góc thể hiện trên bản đồ địa hình hệ tọa độ quốc gia với tỷ lệ thích hợp.

e) Xác định quy mô, công suất khai thác, yêu cầu về công nghệ khai thác.

g) Giải pháp, tiến độ tổ chức thực hiện quy hoạch.

7. Tài liệu giao nộp

a) Báo cáo tổng hợp: “Quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản tỉnh Lâm Đồng đến năm 2020” (6 bộ).

b) Bản đồ quy hoạch thăm dò và khai thác khoáng sản tỉnh Lâm Đồng (tỷ lệ 1/100.000) (6 bộ).

c) Đĩa CD ghi lại các kết quả điều tra, báo cáo, bản đồ (2 đĩa).

8. Dự toán kinh phí lập Quy hoạch

Tổng kinh phí phê duyệt là 584.400.000 đồng (Năm trăm tám mươi bốn triệu bốn trăm ngàn đồng), chi tiết đính kèm.

9. Nguồn vốn đầu tư

Kinh phí sự nghiệp kinh tế thực hiện các nhiệm vụ, dự án quy hoạch.

10. Thời gian lập quy hoạch

Trong năm 2013.

Điều 2.

1. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức triển khai thực hiện, ký kết hợp đồng tư vấn lập quy hoạch, thường xuyên kiểm tra nội dung, chất lượng quy hoạch để trình thẩm định, phê duyệt theo đúng các quy định hiện hành và thời gian quy định.

2. Giao Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh Lâm Đồng căn cứ chức năng, nhiệm vụ cân đối và cấp phát kinh phí; hướng dẫn quản lý, sử dụng và thanh quyết toán theo đúng quy định.

Điều 3.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như điều 3;
- UBND các H, TP;
- Lưu: VT, CN, TC.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN

KT.CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Yên

Phụ lục 1



TỔNG DỰ TOÁN

Lập quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản tỉnh Lâm Đồng
(Kèm theo Quyết định số 1941/QĐ-UBND ngày 19/9/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

A. NỘI DUNG QUY HOẠCH

STT	Hạng mục	Tỷ lệ	Thành tiền (đồng)
1	Chi phí xây dựng nhiệm vụ và dự toán	2,5	4.050.207
a	Chi phí xây dựng đề cương, nhiệm vụ	1,5	2.430.124
b	Chi phí lập dự toán theo đề cương, nhiệm vụ	1,0	1.620.083
2	Chi phí xây dựng quy hoạch	84,0	136.086.952
a	Chi phí thu thập, xử lý số liệu, dữ liệu ban đầu	7,0	11.340.579
b	Chi phí thu thập bổ sung số liệu, tư liệu theo yêu cầu quy hoạch	4,0	6.480.331
c	Chi phí khảo sát thực địa	20,0	32.401.655
d	Chi phí thiết kế quy hoạch	53,0	85.864.387
3	Chi phí khác	13,5	21.871.117
a	Chi phí quản lý dự án	4,0	6.480.331
b	Chi phí thẩm định đề cương, nhiệm vụ và dự toán	1,5	2.430.124
c	Chi phí thẩm định quy hoạch	4,5	7.290.372
d	Chi phí công bố quy hoạch	3,5	5.670.290
Tổng chi phí A		100,0	162.008.276

B. XÂY DỰNG BẢN ĐỒ

STT	Hạng mục	Số mảnh	Thành tiền (đồng)
1	Chi phí trực tiếp		278.188.376
a	Công LĐ	5	251.497.335
b	Công cụ - Dụng cụ	5	6.867.779
c	Thiết bị	5	13.068.496
d	Vật liệu	5	6.754.765
2	Chi phí chung (22% chi phí trực tiếp)	5	61.201.443
3	Chi phí khác		29.793.975

a	Chi phí khảo sát, thiết kế, lập dự toán (2% chi phí trực tiếp)	5	5.563.768
b	Chi phí kiểm tra, nghiệm thu (2% chi phí trực tiếp)	5	5.563.768
c	Thu nhập chịu thuế tính trước (5,5% chi phí trực tiếp + chí phí chung)	5	18.666.440
Tổng chi phí B		5	369.183.793

C. TỔNG DỰ TOÁN LẬP QUY HOẠCH

- Tổng chi phí A+B	531.272.069
- Thuế VAT 10%	<u>53.127.206</u>
- Tổng dự toán được phê duyệt	584.399.275
Tổng dự toán làm tròn	584.400.000
(Năm trăm tám mươi bốn triệu bốn trăm ngàn đồng)	